

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5685 /UBND-NC

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 9 năm 2017

V/v tổ chức thi tuyển giáo
viên cho các cơ sở giáo dục
công lập năm học
2017 - 2018

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI	
ĐẾN Số:.....	3295
Ngày:.....	19/9
Chuyển:.....	TCCB
Lưu hồ sơ số:.....	

Kính gửi:

- Các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Để tổ chức tuyển dụng giáo viên cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên biệt công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố năm học 2017 – 2018; trên cơ sở quy định của pháp luật có liên quan, UBND tỉnh quy định một số nội dung về thi tuyển giáo viên, cụ thể như sau:

I. Điều kiện và tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển giáo viên

1. Người có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển giáo viên:

a) Có quốc tịch Việt Nam và có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Ngãi từ 36 tháng trở lên. Trong trường hợp không có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Ngãi thì phải có cha, mẹ, vợ hoặc chồng của người dự tuyển có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Ngãi;

Đối với người không có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Ngãi, phải cam kết làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi ít nhất 10 năm hoặc thí sinh tốt nghiệp đại học sư phạm hệ chính qui loại giỏi trở lên hoặc tốt nghiệp đại học sư phạm hệ chính quy loại khá và có bằng tốt nghiệp thạc sỹ đúng chuyên ngành cần tuyển.

- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn đăng ký dự tuyển, có lý lịch rõ ràng;
- d) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- đ) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;
- e) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, cụ thể:

- **Giáo viên dạy mầm non:**

+ Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non trở lên;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên của một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

+ Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc có chứng chỉ tin học cơ bản trình độ A trở lên.

- Giáo viên dạy tiểu học:

+ Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm tiểu học trở lên hoặc trung cấp sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên của một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì phải có chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai với trình độ tương đương bậc 1 trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai trình độ A trở lên;

+ Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc có chứng chỉ tin học cơ bản trình độ A trở lên.

- Giáo viên dạy trung học cơ sở:

+ Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ

A trở lên của một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì phải có chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai với trình độ tương đương bậc 1 trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai trình độ A trở lên;

+ Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc có chứng chỉ tin học cơ bản trình độ A trở lên.

- Giáo viên dạy trung học phổ thông:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông được cấp từ ngày 27/3/2014 trở về trước;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B trở lên của một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì phải có chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai với trình độ tương đương bậc 2 trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ thứ hai trình độ B trở lên;

+ Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc có chứng chỉ tin học cơ bản trình độ A trở lên;

Người đăng ký dự tuyển có thể nộp một trong các chứng chỉ sau đây thay thế cho chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT gồm: TOEFL 450/133 trở lên, IELTS 3.5 trở lên, TOEIC 350 trở lên, Ucles KET/PET và nộp một trong các chứng chỉ sau đây thay thế cho chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT gồm: TOEFL 400/97 trở lên, IELTS 3.0 trở lên, TOEIC 150 trở lên, Ucles KET.

* Đối với những người dự tuyển làm giáo viên của Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh: ưu tiên có chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua chương trình bồi dưỡng về tật học do các cơ sở giáo dục có chức năng cấp.

* Giáo viên dạy nghề tại các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

* Đối với giáo viên giảng dạy các môn học thuộc chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, tiêu chuẩn và điều kiện đăng ký dự tuyển thực hiện như giáo viên dạy trung học phổ thông và do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện việc thi tuyển.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển giáo viên

- a) Không cư trú tại Việt Nam;
- b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3. Giáo viên dạy mầm non, tiểu học và trung học cơ sở được tuyển dụng lần này có trình độ đào tạo cao hơn so với yêu cầu của hạng được tuyển dụng thì tạm thời thực hiện bổ nhiệm và xếp lương vào hạng thấp nhất cho đến khi có hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào một chỉ tiêu vị trí việc làm; nếu thí sinh nào đăng ký 02 vị trí việc làm trở lên hoặc hồ sơ khai không trung thực thì sẽ bị xóa tên trong danh sách dự thi hoặc hủy kết quả thi.

II. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

1. Đơn đăng ký dự tuyển giáo viên (*theo mẫu quy định của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng*);

2. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật, dán ảnh 4cm x 6cm (*theo mẫu quy định của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng*), có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị người dự tuyển đang công tác (trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển);

3. Bản sao giấy khai sinh;

4. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 12 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

5. Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;
6. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển (*có chứng thực*);
7. Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình (*có chứng thực*);
8. Bản sao sổ bảo hiểm xã hội và các hợp đồng lao động (nếu có) (*có chứng thực*).
9. 02 ảnh cỡ 3cm x 4cm; 04 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận;

Hồ sơ đăng ký dự tuyển giáo viên được đựng trong bì cỡ 24 cm x 32 cm (*theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng*).

** Lưu ý: Các thí sinh có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng theo quy định tại Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.*

Hồ sơ thí sinh đăng ký dự tuyển không hoàn trả lại.

III. Hội đồng thi tuyển giáo viên

1. Đối với việc tuyển dụng giáo viên cho các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển, có 05 hoặc 07 thành viên, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;
- 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức giúp việc về công tác tổ chức cán bộ của Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các Ủy viên khác là những người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến vị trí tuyển dụng.

2. Đối với việc tuyển dụng giáo viên cho các cơ sở giáo dục thuộc UBND các huyện, thành phố:

Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ, có 05 hoặc 07 thành viên, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND huyện, thành phố;
- 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch UBND huyện, thành phố (phụ trách lĩnh vực văn xã);

- Các Ủy viên Hội đồng là Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo và những người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến vị trí tuyển dụng;

- Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức của Phòng Nội vụ làm công tác tổ chức cán bộ.

IV. Nội dung, hình thức và thời gian thi

Việc thi tuyển giáo viên được thực hiện theo 2 vòng, như sau:

1. Vòng 1: Thi trắc nghiệm, gồm 02 môn:

a) *Môn Ngoại ngữ (môn điều kiện):*

- Hình thức: thi trắc nghiệm trên máy tính.
- Nội dung: 01 trong 05 thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức (do thí sinh đăng ký tại đơn dự tuyển) theo yêu cầu của vị trí việc làm.
- Thời gian làm bài: 30 phút đối với tất cả thí sinh dự thi.

b) *Môn Tin học văn phòng (môn điều kiện):*

- Hình thức: thi trắc nghiệm trên máy tính.
- Nội dung: theo yêu cầu của vị trí việc làm.
- Thời gian làm bài: 30 phút đối với tất cả thí sinh dự thi.

Lưu ý: thí sinh có điểm thi một trong hai môn thi ở vòng 1 không đạt từ 50 (năm mươi) điểm trở lên thì không được dự thi các môn thi ở vòng 2.

2. Vòng 2: Thi môn Kiến thức chung và môn chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành

a) Môn Kiến thức chung: Thi viết 01 bài về pháp luật viên chức; chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Thời gian thi 120 phút.

b) Môn chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành: thông qua 02 hình thức: thi viết và thi thực hành (giảng dạy 01 tiết thực tế trên lớp).

- Thi viết: thời gian 180 phút.

- Thi thực hành: giảng dạy 01 tiết trên lớp theo phân phối chương trình của cấp học, môn học tương ứng với vị trí việc làm của người dự tuyển.

- Việc quy định nội dung thi viết môn chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành phải căn cứ vào tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm cần tuyển. Trong cùng một kỳ thi, nếu có các vị trí việc làm yêu cầu

chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng giáo viên phải xây dựng các đề thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Trường hợp vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành là ngoại ngữ hoặc công nghệ thông tin, bài thi viết chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành là ngoại ngữ hoặc công nghệ thông tin. Trong trường hợp này người dự tuyển không phải thi môn ngoại ngữ hoặc tin học văn phòng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 mục IV Công văn này.

- Phần thi thực hành: mỗi thí sinh dự thi thực hành, có ít nhất 03 giám khảo chấm điểm độc lập. Giám khảo là công chức, viên chức công tác trong ngành giáo dục và đào tạo, công chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương trở lên, viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng III trở lên, có uy tín và kinh nghiệm trong giảng dạy; giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh đạt giải Ba trở lên do Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo giới thiệu.

V. Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ và môn tin học văn phòng

1. Miễn thi môn ngoại ngữ: trong trường hợp môn chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành không phải là ngoại ngữ nếu có một trong các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;
- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo tiếng nước ngoài ở Việt Nam;
- Thí sinh dự thi là người dân tộc thiểu số đang cư trú tại các huyện miền núi đăng ký dự thi tại nơi đang cư trú thì được miễn thi môn Ngoại ngữ.

2. Miễn thi môn Tin học văn phòng: trong trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

VI. Cách tính điểm và cách xác định người trúng tuyển

1. Cách tính điểm

- a) Bài thi được chấm theo thang điểm 100;
- b) Điểm các môn thi được tính như sau:
 - Môn kiến thức chung: tính hệ số 1;
 - Môn chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành: bài thi viết tính hệ số 1; phần thi thực hành giảng dạy tính hệ số 2;
 - Môn Ngoại ngữ, môn Tin học (môn điều kiện): tính hệ số 1 và không tính vào tổng số điểm thi.
- c) Kết quả thi tuyển = (điểm của bài thi môn kiến thức chung x 1) + (điểm bài thi viết môn chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành x 1) + (điểm phần thi thực hành giảng dạy x 2).

2. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển giáo viên

Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển giáo viên phải có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có đủ các bài thi, phần thi của các môn thi;
- b) Có điểm của mỗi bài thi, phần thi đạt từ 50 (năm mươi) điểm trở lên;
- c) Có kết quả điểm thi lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

d) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng, thì người có tổng số điểm các bài thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu tổng số điểm các bài thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng giáo viên quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2 Điều 11 Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 của UBND tỉnh.

VII. Thời gian tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố căn cứ nội dung tại Công văn này và chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên đã được UBND tỉnh thống nhất để xây dựng và ban hành kế hoạch thi tuyển giáo viên cho các cơ sở giáo dục trực thuộc **trước ngày 20/9/2017** và tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, gửi Sở Nội vụ 01 bản để theo dõi, nếu có nội dung nào chưa đúng quy định hoặc chưa hợp lý, Sở Nội vụ có văn bản phản hồi để Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Thời gian thu nhận hồ sơ của thí sinh dự tuyển: 20 ngày làm việc, kể từ ngày **25/9/2017**.

3. Lập danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi xong **chậm nhất là ngày 01/11/2017**, để tổ chức thi vòng 1 (*Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố giữ hồ sơ của thí sinh và chịu trách nhiệm về hồ sơ của thí sinh*).

4. Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố tổ chức thi vòng 1 dự kiến từ ngày 20/11/2017 đến ngày 25/11/2017; thi vòng 2 dự kiến hoàn thành trước ngày 31/12/2017, cụ thể:

- Từ ngày 15/12/2017 đến ngày 25/12/2017: thi phần thực hành giảng dạy 01 tiết trên lớp (mỗi thí sinh giảng dạy 01 tiết).

- Sáng ngày 30/12/2017 thi viết môn chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành; chiều ngày 30/12/2017, thi viết môn Kiến thức chung.

5. Tổ chức chấm thi, công bố điểm theo quy định, trước ngày 31/01/2018; (*đồng thời dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển và làm thủ tục xác minh văn bằng, chứng chỉ theo quy định*).

6. Nhận đơn phúc khảo, tổ chức chấm phúc khảo theo quy định, quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng, ban hành Quyết định tuyển dụng, hoàn

thành trước 20/02/2018; đồng thời gửi 01 Quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng về Sở Nội vụ để theo dõi.

VIII. Kinh phí

1. Lệ phí thi

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Mức thu cụ thể: 400.000 đồng/01 thí sinh. Lệ phí thi nộp cùng lúc và tại địa điểm nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố

- Tổ chức việc thu phí dự thi, quản lý chi tiêu và thanh quyết toán phí dự thi theo đúng quy định.

- Dự toán kinh phí tổ chức thi tuyển, nếu thiếu thì đề nghị UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) đối với Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thành phố cấp bổ sung kinh phí.

IX. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng thi tuyển

- Hội đồng thi tuyển giáo viên của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

- Được thành lập Tổ chuyên viên giúp việc Hội đồng soạn thảo tài liệu ôn tập và thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hội đồng thi phân công, đồng thời được quyền trưng dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để phục vụ công tác thi tuyển.

2. Sở Nội vụ

- Hướng dẫn thống nhất: Mẫu đơn đăng ký dự tuyển, mẫu sơ yếu lý lịch tự thuật; bì hồ sơ;

- Quyết định ngày thi thống nhất trong toàn tỉnh;

- Hướng dẫn thống nhất trên toàn tỉnh về phạm vi tài liệu, nội dung ôn thi chủ yếu phục vụ kỳ thi;

- Tổ chức các đoàn để trực tiếp kiểm tra, giám sát, xử lý sai phạm trong suốt quá trình chuẩn bị đến khi kết thúc kỳ thi (quyết định tuyển dụng của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và Chủ tịch UBND cấp huyện là khâu kết thúc kỳ thi)

3. Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố

a) Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nhu cầu tuyển dụng giáo viên của các trường nằm trên địa bàn các huyện miền núi thuộc quyền quản lý xác định một tỉ lệ hợp lý nhu cầu tuyển dụng giáo viên đối với người dân tộc

thiếu số nhưng không quá 40% tổng số chỉ tiêu tuyển dụng (*chỉ tiêu, môn tuyển dụng phải được cụ thể hóa trong kế hoạch tuyển dụng*), phân bổ đều cho các trường, không tập trung về một số trường nhất định, nhằm đảm bảo chất lượng trong giảng dạy.

Tiêu chuẩn, điều kiện dự tuyển và trình tự, thủ tục tổ chức tuyển dụng giáo viên đối với người dân tộc thiểu số thực hiện theo Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 của UBND tỉnh và quy định tại Công văn này.

b) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết và đăng tải trên Website của cơ quan, đơn vị Kế hoạch tuyển dụng giáo viên gồm: chỉ tiêu tuyển dụng, điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng, hồ sơ đăng ký dự tuyển, thời gian, địa điểm nhận hồ sơ dự tuyển, số điện thoại liên lạc, các môn thi và hình thức thi, lệ phí thi tuyển...

c) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí thi tuyển và thẩm định hồ sơ của thí sinh đăng ký dự tuyển vào cơ quan, đơn vị mình. Từng cơ quan, đơn vị tuyệt đối không được từ chối tiếp nhận hồ sơ của thí sinh có đủ điều kiện và tiêu chuẩn dự tuyển. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định hồ sơ dự tuyển của thí sinh tại cơ quan, đơn vị mình và giải đáp thắc mắc, khiếu nại (nếu có) của thí sinh trong quá trình tiếp nhận hồ sơ dự tuyển.

d) Lập danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển, thông qua Hội đồng thi tuyển giáo viên và gửi danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển về Sở Nội vụ để theo dõi. Hoàn trả hồ sơ và lệ phí cho những thí sinh không đủ điều kiện dự thi.

đ) Soạn thảo tài liệu ôn thi, công bố tài liệu ôn thi môn Ngoại ngữ, Tin học, môn Kiến thức chung và môn Chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành **trước ngày 05/10/2017** để phổ biến cho thí sinh ôn thi; triệu tập thí sinh để phổ biến kế hoạch thi, nội quy thi và các hướng dẫn cần thiết khác.

Sở Giáo dục và Đào tạo chuẩn bị tài liệu ôn thi môn Kiến thức chung và môn Chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành cho Hội đồng thi của Sở Giáo dục và Đào tạo.

UBND các huyện, thành phố chuẩn bị tài liệu ôn thi kiến thức chung và môn Chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành cho Hội đồng thi của địa phương mình.

e) Căn cứ các mốc thời gian theo quy định tại Công văn này và các quy định, nội quy, quy chế về thi tuyển viên chức để thực hiện công tác thi tuyển đúng quy định của pháp luật và thời gian.

4. Ngành Công an: có trách nhiệm thực hiện bảo vệ an toàn cho kỳ thi tại Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố.

Trên đây là nội dung quy định về thi tuyển giáo viên năm học 2017-2018. Các nội dung khác không quy định tại Công văn này thì thực hiện theo

quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức, Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 của UBND tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề nào chưa hợp lý hoặc vướng mắc, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Tài chính;
- Công an tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi;
- Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP(NC, VX), VHXH, CBTH;
- Lưu: VT, NC.



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng